TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-03-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2979/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 99/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Hồng H, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Ông Mai T Vũ T, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: 167, tổ 22, khu phố 2, phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phan Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường Tân H, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2013 ngày 18/4/2013. Từ khi hai vợ chồng bà kết hôn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Thành Nhân, sinh ngày 19/01/2015 và Mai Thành Đạt, sinh ngày 25/03/2018. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Mai T Vũ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.***

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà H, ông T không H phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Mai Thành Nhân, sinh ngày 19/01/2015 và Mai Thành Đạt, sinh ngày 25/03/2018 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông T nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Phan Hồng H yêu cầu được ly hôn với ông Mai T Vũ T, yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, con chung*"; Bà Phan Hồng H là nguyên đơn, ông Mai T Vũ T là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Hồng H nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Mai T Vũ T hiện đang cư trú tại phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Hồng H và ông Mai T Vũ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường Tân H, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2013 ngày 18/4/20103 nên áp dụng Điều 9, Điều 11

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp. Từ khi hai vợ chồng bà kết hôn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề cuộc sống. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà H xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông T.

Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông T đến Tòa làm việc nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông T không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà H. Qua kết quả xác minh tại Công an phường Tân H, thành phố B thể hiện nội dung: Ông Mai T Vũ T không đăng ký thường trú, tạm trú nhưng hiện vẫn sinh sống tại địa phương. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường Tân H địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông T.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông T là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T để trả tự do cả hai là phù hợp.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Thành Nhân, sinh ngày 19/01/2015 và Mai Thành Đạt, sinh ngày 25/03/2018. Ly hôn, do bà H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, hai con chung cũng bản tự khai trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó cần giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Tạm thời, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông T nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 11, 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hồng H. Bà Phan Hồng H được ly hôn với ông Mai T Vũ T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Mai Thành Nhân, sinh ngày

19/01/2015 và Mai Thành Đạt, sinh ngày 25/03/2018 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004742 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp xong án phí.

Bà H, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự TP. Biên Hoà;*
- *VKS TP Biên Hoà;*
- *Các đương sự.*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn*
- *Lưu HS, VP.*

Trần Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. Biên Hoà;
- VKS TP Biên Hoà;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**